

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 93/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 12 -6-2024

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tạc và bà Nguyễn Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh H – Sinh năm: 1994; Trú tại: A T, p. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T – Sinh năm: 1996; Trú tại: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Minh T tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/11/2018.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, không tin tưởng nhau, mặc dù đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà H yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Na H1 – sinh ngày 04/02/2016 hiện nay con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, hiện nay bà H làm nghề buôn bán tự do, thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2024 và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày có nội dung: Ông Nguyễn Minh T tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/11/2018.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông T chưa làm đúng trách nhiệm làm chồng, tính tình không hợp nên vợ chồng có cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023, nay cô H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, ông T không đồng ý, ông T vẫn đang khắc phục những thiếu sót của bản thân để vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Na H1 – sinh ngày 04/02/2016 hiện nay con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con chung còn nhỏ nên ông T đồng ý để con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T và bà Hồng t thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS.

- *Về nội dung:* Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Na H1 – sinh ngày 04/02/2016 cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Minh T cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thanh H xin ly hôn ông Nguyễn Minh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông T tự nguyện chung sống có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/11/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà H xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, không tin tưởng nhau, mặc dù đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà H yêu cầu được ly hôn ông T, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông T chưa làm đúng trách nhiệm làm chồng, tính tình không hợp nên vợ chồng có cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023, nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, ông T không đồng ý, ông T vẫn đang khắc phục những thiếu sót của bản thân để vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng bà H, ông T có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ, chỉ biết hiện nay bà H vẫn sinh sống tại địa phương còn ông T không còn sống tại A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông T đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần để tham gia phiên Tòa, hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông T vắng mặt, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Minh T của bà Nguyễn Thanh H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Minh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Na H1 – sinh ngày 04/02/2016 từ tháng 5/2023 khi vợ chồng sống ly thân con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, con chung cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, qua kết quả xác minh tại địa phương xác định

hiện nay bà H làm nghề buôn bán tự do, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, ông T cũng đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần giao con chung cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung: Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Minh T không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Na H1 – sinh ngày 04/02/2016 cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung:* Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm

ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0005101 ngày 10/01/2024.

Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND P. Tân Thành
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt